

Số: **2113** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **30** tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1400/TTr-SCT ngày 18/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

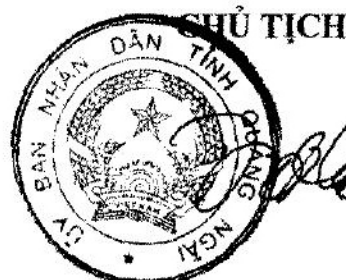
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy;
- UBMTTQ tỉnh và các Hội, đoàn thể;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy;
- T.viên BCD t.hiện QĐ199;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- VPUB: PVP(CN), các phòng NC, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.396.



Cao Khoa

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Tỉnh uỷ và Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của HĐND tỉnh về phát triển công nghiệp, ngày 07/10/2011 UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 199/QĐ-UBND phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Đề án). Để Đề án phát huy hiệu quả trong thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 với những nội dung chủ yếu sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

I. Mục đích:

Kế hoạch này xác định nhiệm vụ của các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và cơ quan có liên quan nhằm tập trung chỉ đạo, phấn đấu thực hiện thắng lợi Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 nhằm:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh với nhịp độ cao, hiệu quả và bền vững, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, thực sự là nhiệm vụ đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2011 - 2015; tạo nền tảng vững chắc, phấn đấu đến năm 2020 Quảng Ngãi cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng bình quân về giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 đạt 17 - 18%/năm; giai đoạn 2016 - 2020 bình quân đạt 10%/năm. Đến năm 2015 tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP đạt 61 - 62%; trong đó tỷ trọng công nghiệp đạt khoảng 52 %; lao động trong ngành công nghiệp đạt khoảng 120.000 người, chiếm khoảng 16,5 - 17% trong tổng số lao động. Đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng trong GDP đạt 67,3%; trong đó tỷ trọng công nghiệp đạt 60%; lao động trong ngành công nghiệp đạt khoảng 200.000 người, chiếm khoảng 20 - 21% trong tổng số lao động.

II. Yêu cầu:

- Nâng cao nhận thức về đột phá phát triển công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn

hiện nay, liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành và thời gian thực hiện trong nhiều năm nên phải có sự thống nhất, phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các cấp, ngành, đảm bảo đạt hiệu quả Đề án.

- Các sở, ban ngành, cơ quan có liên quan và UBND các huyện, thành phố cần quán triệt đầy đủ quan điểm, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp của Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011; căn cứ kế hoạch chung của tỉnh, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương mình chủ động lập kế hoạch cụ thể để triển khai, thực hiện đúng nội dung và tiến độ công việc được UBND tỉnh giao.

B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH:

I. Nhiệm vụ:

1. Phát triển công nghiệp theo ngành:

a) Phát huy tiềm năng về đất đai, tài nguyên, lao động, đặc biệt là lợi thế của cảng nước sâu Dung Quất để phát triển các ngành công nghiệp nặng có ý nghĩa chiến lược, giá trị gia tăng cao, đồng thời phát triển công nghiệp nhẹ với các ngành sử dụng nhiều lao động như: công nghiệp lọc hoá dầu, hoá chất; công nghiệp gia công kim loại, đóng tàu biển, điện tử, công nghệ thông tin; công nghiệp khai khoáng, chế biến khoáng sản; công nghiệp vật liệu xây dựng; công nghiệp dệt - may, da - giày; công nghiệp điện, sản xuất và phân phối nước; công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và công nghiệp thực phẩm, đồ uống.

b) Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn trước hết là các ngành chế biến nông, lâm, thủy sản; sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nguyên liệu trong tỉnh; lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp,...; Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất trang thiết bị, máy móc làm đất, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông - lâm - thủy sản, sản phẩm xuất khẩu; sản xuất phân bón, thức ăn cho chăn nuôi và thuốc bảo vệ động, thực vật,...góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 của Chính phủ.

b) Từng bước hình thành, phát triển mạnh ngành công nghiệp hỗ trợ để không ngừng nâng cao giá trị gia tăng cho các sản phẩm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, tập trung hỗ trợ các ngành công nghiệp như: lọc hoá dầu, hoá chất; gia công kim loại, đóng tàu biển, điện tử, công nghệ thông tin; dệt - may, da - giày; công nghiệp công nghệ cao,...

2. Phát triển Khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch

a) Khu kinh tế Dung Quất: Phát huy thế mạnh về công nghiệp lọc hoá dầu, công nghiệp nặng đã có, tập trung thu hút đầu tư để phát triển mạnh các ngành công nghiệp chiến lược, ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao theo định hướng Đề án đề ra; hoàn thiện kết cấu hạ tầng, mở rộng diện tích lên 45.332 ha, thực hiện các bước chuẩn bị về tái định cư để nâng công suất Nhà máy lọc hoá dầu đạt 10 triệu tấn/năm (vào năm 2018); hình thành Trung tâm

lọc hoá dầu quốc gia gắn với cảng nước sâu Dung Quất II. Phấn đấu đến năm 2015, thu hút đầu tư đạt khoảng 13 tỷ USD, trong đó vốn thực hiện khoảng 8 tỷ USD; thu ngân sách đạt trên 15.000 tỷ đồng; hàng hóa qua cảng khoảng 25 triệu tấn; giải quyết việc làm cho khoảng 20.000 lao động. Đến năm 2020, thu hút đầu tư đạt khoảng 16 tỷ USD; thu ngân sách đạt trên 25.000 tỷ đồng; hàng hóa qua cảng đạt 34 triệu tấn; giải quyết việc làm cho khoảng 50.000 lao động.

b) Các khu công nghiệp: Thực hiện đầu tư và đầu tư mở rộng theo quy hoạch, đẩy nhanh việc xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của khu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, thu hút các dự án công nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ và phục vụ Khu kinh tế Dung Quất. Phấn đấu đến năm 2015, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp đạt khoảng 1.400 tỷ đồng; tỷ lệ lấp đầy diện tích khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú đạt 100%; khu công nghiệp Phổ Phong đạt 35%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân từ 17 - 18%/năm; giải quyết việc làm mới đạt 8.000 lao động. Đến năm 2020, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp đạt khoảng 1.600 tỷ đồng; tỷ lệ lấp đầy tại khu công nghiệp Phổ Phong đạt 100% diện tích.

c) Cụm công nghiệp: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp đã có và đang hình thành theo quy hoạch; đẩy mạnh chuyển dịch công nghiệp về nông thôn, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, gắn với vùng nguyên liệu. Phấn đấu đến năm 2015 mỗi huyện, thành phố đồng bằng và một số huyện miền núi có điều kiện phát triển có ít nhất từ một đến hai cụm công nghiệp, giải quyết việc làm cho khoảng 3.000 - 5.000 lao động. Từng bước xem xét đầu tư hợp lý các cụm công nghiệp ở các huyện miền núi và hải đảo còn lại khi hội đủ điều kiện. Đến năm 2020 mỗi huyện, thành phố trong tỉnh đều có ít nhất từ một đến hai cụm công nghiệp. Tổng diện tích các cụm công nghiệp được phê duyệt quy hoạch chi tiết giai đoạn 2011 - 2015 đạt 300 ha, đến năm 2020 đạt khoảng 560 ha.

II. Giải pháp và thời gian thực hiện:

1. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020

Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

- Tháng 11/2011, tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 và ban hành Quy chế hoạt động Ban chỉ đạo.

- Tháng 12/ 2011, tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp Ban chỉ đạo lần đầu để triển khai nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2012, giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; thông qua quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban chỉ đạo.

2. Tuyên truyền, phổ biến:

a) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Báo Quảng Ngãi, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh và

cơ quan liên quan: Định kỳ hàng năm, xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch về tuyên truyền, phổ biến nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố: Tiếp tục quán triệt Nghị quyết 01-NQ/TU ngày 24/6/2011 của Tỉnh uỷ, Nghị quyết số 15/2011/NQ-HĐND ngày 22/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về đẩy mạnh phát triển công nghiệp đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan và đơn vị trực thuộc.

c) Đề nghị cấp uỷ đảng các chi đạo Ủy ban Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh tăng cường phối hợp, tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận, hưởng ứng, tích cực tham gia giám sát việc thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển công nghiệp.

3. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công nghiệp:

a) Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan liên quan:

- Quý II/2012, rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ. Xây dựng hoàn thành quy định điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy Trung tâm Xúc tiến đầu tư tỉnh Quảng Ngãi đảm bảo tính khoa học, căn cứ pháp lý, tinh gọn, hoạt động hiệu quả.

- Quý III/2012, xây dựng đề án, kế hoạch triển khai thực hiện việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước ngành công nghiệp các cấp theo Đề án Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến đầu tư, đất đai, thành lập doanh nghiệp,..; Đề xuất việc phân cấp, phân quyền để tổ chức thực hiện nhanh, gọn các thủ tục hành chính có liên quan... nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút đầu tư, sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp cùng Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi:

Quý II/2012, xây dựng hoàn thành Đề án sắp xếp và tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở hợp nhất hoặc sáp nhập các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hiện có, để thực hiện nhiệm vụ đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng nhằm tạo đột phá mới phục vụ phát triển công nghiệp và phát triển đô thị, nhất là ở Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp.

c) Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp cùng Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan:

Quý I /2012, xây dựng hoàn thành, triển khai thực hiện kế hoạch nâng cao độ mở, tính tiện ích của trang tin điện tử tỉnh và các sở, ban ngành. Cập

nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết như: văn bản pháp luật, quy hoạch phát triển, hợp tác liên kết vùng,... phục vụ doanh nghiệp nắm bắt cơ hội tiến hành các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh.

4. Đổi mới, nâng cao chất lượng quy hoạch và quy chế quản lý thực hiện các quy hoạch phát triển công nghiệp:

Quy hoạch phát triển công nghiệp phải đảm bảo tính phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và với các quy hoạch phát triển ngành, vùng, lĩnh vực có liên quan. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy hoạch thuộc phạm vi quản lý. Kịp thời đề xuất với cấp có thẩm quyền xử lý những tồn tại trong công tác quản lý và thực hiện quy hoạch.

a) Sở Công Thương:

- Quý I/2012, hoàn thành Quy hoạch phát triển công nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn 2025, Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng) giai đoạn 2011 - 2020 và quy hoạch phát triển điện lực giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến 2020.

- Quý I/2013, hoàn thành Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn 2025; Quy hoạch phát triển năng lượng tái tạo giai đoạn 2011 - 2015, tầm nhìn đến 2020, hoàn thành trong Quý IV/2013.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất:

- Quý IV/2012, hoàn thành Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu bến cảng Dung Quất II đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quý II/2013, hoàn thành Quy hoạch điều chỉnh Quy hoạch tổng thể môi trường Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2010 và hướng đến năm 2020.

- Quý IV/2013, hoàn thành Đề án thành lập thành phố Dung Quất (thành phố công nghiệp mở, thuộc tỉnh).

- Các khu công nghiệp và đô thị trong Khu kinh tế:

+ Quý IV/2012, hoàn thành Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Dung Quất II;

+ Quý IV/2012, hoàn thành Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Phân khu đô thị Dốc Sỏi và Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Phân khu đô thị Sa Kỳ.

+ Quý IV/2013, hoàn thành Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Bình Hòa - Bình Phước.

c) Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi:

- Đối với Khu công nghiệp Tịnh Phong:

+ Làm đầu mối giúp nhà đầu tư Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) trong suốt quá trình nghiên cứu khả thi, chuẩn bị đầu tư, khảo sát thu thập thông tin, thủ tục bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, giao đất, cấp các loại giấy phép... để sớm thực hiện việc mở rộng Khu công nghiệp Tịnh Phong để hình thành Khu Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ trên địa bàn.

+ Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh kịp thời

ban hành cơ chế đặc cách hoặc ưu đãi cao nhất theo quy định của pháp luật trong bồi thường, tái định cư, giải phóng mặt bằng, trong giao đất, cấp chứng nhận đầu tư, giấy phép xây dựng, cấp mỏ vật liệu, cấp nước, cấp điện.

+ Xây dựng phương án bồi thường, tái định cư phù hợp (có nghiên cứu, học tập kinh nghiệm, vận dụng các cơ chế, chính sách bồi thường, tái định cư của tỉnh Bình Dương đã thực hiện được nhân dân đồng thuận) cho số hộ dân phải di dời theo hướng ưu tiên tái định cư trong khu đô thị mới gắn với đào tạo nghề, giải quyết việc làm, chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ dân đã nhường đất để thực hiện dự án; thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân mất đất sản xuất theo đúng quy định.

+ Quý III/2012, hoàn thành Quy hoạch điều chỉnh quy hoạch chi tiết, tính chất, chức năng chia lô giai đoạn I Khu công nghiệp Tịnh Phong;

- Khu công nghiệp Quảng Phú: Quý III/2012, hoàn thành Quy hoạch điều chỉnh ranh giới và sử dụng đất Khu công nghiệp Quảng Phú.

d) Sở Thông tin và Truyền thông:

Nghiên cứu, xây dựng Quy hoạch và hình thành Khu công nghệ thông tin tập trung tại Khu kinh tế Dung Quất, hoàn thành trong Quý IV/2013.

e) UBND các huyện, thành phố:

- Quý I/2012, hoàn thành Đề án phát triển công nghiệp.

- Về cụm công nghiệp:

+ Mở rộng: các huyện, thành phố có cụm công nghiệp hoàn thành giai đoạn I, đạt tỷ lệ lấp đầy từ 60% trở lên, lập kế hoạch mở rộng giai đoạn II.

+ Xây dựng mới: Lập kế hoạch phát triển mới cụm công nghiệp khi hội đủ các điều kiện, đồng thời phải gắn kết giữa phát triển sản xuất công nghiệp, thu hút đầu tư với lợi thế về vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản ở địa phương.

5. Xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp:

a) Xây dựng giai cấp công nhân, phát triển nguồn nhân lực:

a.1) Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan: Năm 2012, hoàn thành đề án, kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn - kỹ thuật cho công nhân; đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ doanh nhân theo Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

a.2) Liên đoàn Lao động tỉnh:

- Quý II/2012, tổ chức “Tháng Công nhân” và “Ngày Hội Công nhân”, triển khai thực hiện tuyên truyền, phổ biến cho CNVC-LĐ ý thức rèn luyện tác phong công nghiệp, chấp hành kỷ luật lao động và ý chí phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp; phát động và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong CNVC-LĐ, trọng tâm là phong trào thi đua “Lao động giỏi, lao động sáng tạo”, phong trào “Thi đua học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp”...; thực hiện tôn vinh, nhân điển hình các đơn vị, các nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất.

- Quý III/2012, chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch lập kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” theo Quyết định phê duyệt số 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân; nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân và nhân dân trên địa bàn.

a.3) Nhà ở công nhân:

Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Sở Xây dựng, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan:

Quý II/2012, hoàn thành cơ chế, chính sách ưu đãi đặc thù về đầu tư và kinh doanh nhà ở cho công nhân làm việc trong Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển dịch vụ:

Dịch vụ phát triển đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi thu hút các nhà đầu tư và dịch vụ, góp phần tích cực giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động. Do đó các sở, ban ngành và UBND các huyện, thành phố cần tập trung:

Trong năm 2012, xây dựng, triển khai kế hoạch tăng cường thực hiện các chính sách, các quy hoạch, chương trình phát triển dịch vụ theo phạm vi, lĩnh vực quản lý thuộc thẩm quyền. Trước mắt, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ quan trọng để phát triển công nghiệp trong giai đoạn hiện nay, như:

b.1) Thương mại:

Xây dựng chính sách huy động nguồn lực các thành phần kinh tế để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng thương mại, gồm có: hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, hệ thống cửa hàng bán lẻ xăng dầu, gas, hệ thống kho hàng hoá, kho ngoại quan, trung tâm lô-gi-stíc, trung tâm hội chợ, triển lãm, trung tâm thông tin, xúc tiến thương mại; đảm bảo kết hợp hài hoà giữa thương mại truyền thống và hiện đại, hình thành hệ thống phân phối hàng hoá đủ mạnh, điều tiết được thị trường, tiêu thụ lượng lớn hàng hoá sản xuất trên địa bàn tỉnh.

Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại tại Vạn Tường - Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi, làm hạt nhân liên kết với các vùng phụ cận.

Để tạo điểm nhấn và tiền đề phát triển, kêu gọi nhà đầu tư, đầu tư khởi công xây dựng Trung tâm Thương mại Vạn Tường, trong năm 2013.

Quý III/2012, Sở Công Thương xây dựng hoàn thành cơ chế huy động vốn xây dựng chợ nông thôn.

b.2) Tư vấn công nghiệp:

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân hình thành, phát triển dịch vụ tư vấn công nghiệp trong lĩnh vực tự động hoá, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; từng bước hình thành dịch vụ công nghiệp hỗ trợ tại Khu kinh tế Dung Quất và các địa bàn có điều kiện.

b.3) Thông tin - Truyền thông:

- Năm 2014, thực hiện cung ứng dịch vụ Internet đến thôn.

- Năm 2014, dịch vụ hành chính công được cung cấp trực tuyến; nâng cao chất lượng thương mại điện tử và hình thành hành chính điện tử.

- Năm 2015, phát triển cung cấp dịch vụ gia tăng trên nền 4G; thực hiện truyền hình số hóa và mở rộng mạng lưới báo mạng.

b.4) Vận tải:

Khuyến khích phát triển hệ thống xe tắc xi, các tuyến xe bus nối liền trung tâm thành phố Quảng Ngãi với các trung tâm các huyện, Khu kinh tế Dung Quất, các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu đi lại của công nhân, người dân. Hỗ trợ khuyến khích, tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Mai Linh mở thêm tuyến xe bus Quảng Ngãi đi Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long trong Quý IV/2013.

Chú trọng phát triển vận tải thủy, cả đường sông và đường biển; đầu tư, nâng cấp hạ tầng cảng Sa Kỳ. Tiếp tục duy trì, phát huy dịch vụ vận tải hành khách chất lượng cao (đường dài và nội tỉnh)

b.5) Tài chính - ngân hàng - bảo hiểm:

Tăng cường công tác huy động vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng. Mở rộng cho vay vốn đầu tư phát triển sản xuất đối với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động trên địa bàn tỉnh; đảm bảo tăng trưởng tín dụng ổn định, an toàn, bền vững và hiệu quả.

Đẩy mạnh các hoạt động bảo hiểm (nhân thọ, phi nhân thọ) và các dịch vụ tài chính khác như: cho thuê tài chính, dịch vụ thẻ tín dụng, tư vấn tài chính,... gắn với sự phát triển của Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp.

b.6) Du lịch:

Có chính sách phát triển nhanh, ổn định và bền vững ngành du lịch theo hướng du lịch - lịch sử, sinh thái, lễ hội và phong cảnh; gắn với việc đầu tư, bảo vệ, tôn tạo cảnh quang, môi trường, phát huy truyền thống văn hoá, bản sắc dân tộc.

Tập trung đầu tư các khu du lịch trọng điểm: Mỹ Khê, Sa Huỳnh, di tích Bệnh xá Bác sĩ Liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm, Khe Hai, Vạn Tường, Ba Làng An, Cà Đam - Nước Trong; các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh. Khai thác có hiệu quả các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh như: Thành phố Quảng Ngãi - Mỹ Khê - Vạn Tường; Thành phố Quảng Ngãi - Mộ Đức - Ba Tơ - Minh Long - Nghĩa Hành; Thành phố Quảng Ngãi - Đức Phổ - Sa Huỳnh; Thành phố Quảng Ngãi - Cà Đam - Nước Trong - Thủy điện Đakrinh; Thành phố Quảng Ngãi - Lý Sơn; Vạn Tường - Lý Sơn,... và các tuyến du lịch liên tỉnh, phục vụ nhu cầu giải trí, thưởng ngoạn của công nhân, người lao động và nhân dân.

b.7) Y tế:

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, ưu tiên và khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng bệnh viện, phòng khám chữa bệnh và các dịch vụ y tế chất lượng cao.

Hỗ trợ khuyến khích ngành Dầu khí sớm nâng cấp trang thiết bị y tế tại Bệnh viện Dung Quất, đào tạo đội ngũ chuyên môn đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt nhu cầu khám chữa bệnh của cán bộ, công nhân Khu kinh tế Dung Quất

và nhân dân trong vùng.

Đồng thời, Quý II/2012 nghiên cứu, đề xuất tháo gỡ khó khăn hoặc lựa chọn nhà đầu tư mới vào đầu tư bệnh viện Quảng Ngãi cũ.

b.8) Giáo dục, việc làm:

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh tế xã hội, các doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước thành lập các trường, các trung tâm dạy nghề dân lập, tư thục hoặc liên kết hợp tác đào tạo các bậc học và nghề.

Năm 2013 xúc tiến việc thành lập Trung tâm dự báo thông tin thị trường lao động của tỉnh để nắm bắt, xác định nhu cầu lao động, việc làm, ngành nghề đào tạo, vừa phục vụ quy hoạch, vừa phục vụ việc sử dụng đúng nguồn nhân lực.

c) Về đất đai, bảo đảm an sinh xã hội:

c.1) Về đất đai, giải phóng mặt bằng:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp cùng cơ quan liên quan:

Định kỳ Quý IV hàng năm, tiến hành rà soát, hoàn thiện, trình UBND tỉnh điều chỉnh cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất; về thu hồi đất, giá đất, bồi thường, hỗ trợ, tạo quỹ đất tái định cư, bảo đảm hài hoà lợi ích của người đang sử dụng đất, nhà đầu tư và Nhà nước. Kế hoạch sử dụng đất hàng năm và 5 năm cho phát triển công nghiệp, khu tái định cư và nhà ở công nhân.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố và cơ quan có liên quan:

+ Thực hiện nghiêm túc, công khai các quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với người dân có đất bị thu hồi;

+ Tập trung công tác giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, nhất là đối với các dự án kéo dài, dự án đầu tư có quy mô lớn;

+ Thực hiện tạo trước quỹ đất sạch, coi đây là nhiệm vụ chiến lược, góp phần cải thiện môi trường đầu tư, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đi vào sản xuất; trước mắt là phục vụ mở rộng, nâng cấp công suất Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

c.2) An sinh, xã hội:

UBND các huyện, thành phố và cơ quan liên quan:

- Có kế hoạch bố trí đủ quỹ đất tái định cư trước mới thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng sau. Khu tái định cư được đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng thiết yếu, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt và phát triển của cộng đồng dân cư;

- Thực hiện có hiệu quả các quy định về hỗ trợ đối với người dân có đất bị thu hồi, đặc biệt là:

+ Hỗ trợ về ổn định đời sống và sản xuất.

+ Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm;... để người dân yên tâm, tự giác giao đất cho Nhà nước.

- Năm 2012 và 2013 tập trung phát triển vùng động lực tại Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp, ưu tiên bố trí vốn xây dựng Khu dân cư, Khu tái định cư, đồng thời tích cực hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, giải quyết

việc làm cho các hộ dân nhường đất cho sự nghiệp công nghiệp hoá. Coi đây là nhiệm vụ trọng tâm ổn định xã hội, tạo niềm tin cho nhân dân và ổn định an ninh nông thôn.

d) Về đầu tư, huy động các nguồn vốn đầu tư:

d.1) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý KKT Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Trung tâm Xúc tiến đầu tư và UBND các huyện, thành phố:

- Về đầu tư:

+ Thực hiện đa dạng hoá đầu tư, kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư nhà nước và đầu tư của các thành phần kinh tế cho phát triển công nghiệp bằng các hình thức hợp lý;

+ Ưu tiên đầu tư các ngành công nghiệp chiến lược theo nhiệm vụ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 07/10/2011 của UBND tỉnh và kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

+ Quản lý thường xuyên, chặt chẽ việc thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp phép; kịp thời phát hiện và kiên quyết thu hồi giấy phép đầu tư đối với các dự án chậm triển khai, không triển khai hoặc vi phạm Luật đầu tư.

- Nguồn vốn:

+ Vốn ngân sách: Ưu tiên bố trí hợp lý vốn đầu tư từ ngân sách và nguồn vốn có tính chất ngân sách nhà nước của tỉnh trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm và hằng năm. Trước mắt ưu tiên bố trí vốn xây dựng các khu tái định cư, đi trước một bước, đồng thời bố trí vốn để tạo quỹ đất sạch, thu hút các nhà đầu tư chiến lược. Trung bình từ năm 2012 - 2015 ngân sách cân đối bố trí vốn cho phát triển công nghiệp khoảng từ 1.800 đến 2.000 tỷ đồng/năm;

+ Vốn thu hút đầu tư: Giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 13 tỷ USD trong đó thực hiện 8 tỷ USD và 1.400 tỷ đồng. Giai đoạn 2016 - 2020 khoảng 16 tỷ USD và 1.600 tỷ đồng.

- Về huy động các nguồn vốn đầu tư:

Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư vào tỉnh, đặc biệt thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, các khu, cụm công nghiệp và các huyện miền núi, hải đảo. Bằng nhiều hình thức thích hợp như: BOT, PPP (đầu tư công - tư), BT, BO,...theo nguyên tắc bảo đảm ngang bằng về quyền và cơ hội tiếp cận các nguồn lực, nhất là đất đai, tín dụng; gắn thu hút đầu tư với giám sát quá trình thực thi, có tiêu chí để loại bỏ những dự án không mong muốn và khuyến khích các dự án cần thiết (suất đầu tư tối thiểu; tiêu chuẩn về khoa học công nghệ môi trường; tiêu chuẩn điều kiện về khai thác tài nguyên khoáng sản,...).

Và danh sách ưu tiên đầu tư (vốn ngân sách), các dự án công nghiệp kêu gọi đầu tư trong nước, nước ngoài giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến 2020, trình UBND tỉnh phê duyệt trong Quý I/2012 để triển khai thực hiện.

d.2) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất:

- Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc đẩy

nhanh tiến độ đối với một số dự án quan trọng, then chốt phục vụ phát triển công nghiệp, như: dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; dự án Cảng Dung Quất II; dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và các nhiệm vụ được giao theo Quyết định số 124/QĐ-TTg ngày 20/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025.

- Quý IV/2013, xây dựng hoàn thành cơ chế, chính sách tài chính đặc thù cho tỉnh Quảng Ngãi, áp dụng trong những năm đầu Nhà máy lọc dầu Dung Quất vận hành, nhằm tạo nguồn kinh phí để tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng và giải quyết các vấn đề bức xúc về an sinh xã hội, tạo động lực cho sự phát triển trong thời gian đến (trình cấp có thẩm quyền cùng lúc với Đề án thành lập thành phố Dung Quất).

d.3) Sở Công Thương, Trung tâm Xúc tiến Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan xây dựng chương trình khuyến công, chương trình xúc tiến thương mại giai đoạn 2011 - 2015, bố trí kinh phí hợp lý, trình UBND tỉnh phê duyệt trong Quý II/2012 để tổ chức thực hiện.

d) Về nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ:

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với cơ quan và đơn vị liên quan:

- Hàng năm, xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp.

- Tăng cường thực hiện chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đối với các sản phẩm công nghiệp; chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến quản lý sản xuất kinh doanh để nâng cao năng lực cạnh tranh;

- Quý IV/2012 Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ sở đào tạo với các đơn vị sản xuất kinh doanh; sớm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học thành sản phẩm dịch vụ khoa học phục vụ sản xuất và đời sống.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, hoàn thành trong Quý IV/2013.

e) Về thông tin, xúc tiến thương mại và đầu tư; phát triển thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế:

e.1) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan:

- Định kỳ tháng 12 hàng năm, tổ chức đối thoại với doanh nghiệp về thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, môi trường đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Quý II/2012, xây dựng hoàn thành chương trình, kế hoạch về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

e.2) Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các hiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp và cơ quan có liên quan:

Định kỳ hàng năm, 5 năm xây dựng, triển khai thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại; chú trọng đổi mới về nội dung, hình thức hoạt động, đối tượng xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại; tăng cường liên kết với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm Miền trung, các tổ chức trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp.

e.3) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, đơn vị liên quan:

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện thương mại điện tử trong các doanh nghiệp và người tiêu dùng; phát triển các hệ thống kênh phân phối hàng hóa, gắn kết các loại hình thương mại hiện đại và truyền thống, phục vụ phát triển sản xuất.

- Quý III/2012, xây dựng hoàn thành Đề án Hội nhập kinh tế quốc tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến 2020 để triển khai thực hiện trong Quý IV/2012, trên cơ sở phát huy nội lực, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để đẩy mạnh phát triển công nghiệp, kịp thời nắm bắt, tận dụng các cơ hội, vượt qua các thách thức, giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình hội nhập, tạo điều kiện để doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững và mở rộng thị trường nội địa, thế giới.

6. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng công nghiệp đảm bảo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu cho các dự án đầu tư

a) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất chủ trì, phối hợp cùng các sở, ban ngành, địa phương:

Tăng cường đầu tư hoàn thiện, mở rộng, nâng cấp kết cấu hạ tầng Khu kinh tế Dung Quất theo quy hoạch được duyệt. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, phối hợp với Trung ương đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cảng Dung Quất II; hoàn thiện, mở rộng, nâng cấp cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng, cảng thương mại, nạo vét cảng Dung Quất I. Phát triển nhanh hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, chất thải công nghiệp.

b) Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan phân đầu hoàn thành cơ bản hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp chậm nhất vào năm 2015, các cụm công nghiệp chậm nhất vào năm 2020, đúng với ý nghĩa của nhiệm vụ đột phá.

Trong đó:

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi:

+ Đối với Khu công nghiệp Phổ Phong: Quý I/2012 tiến hành rà soát, lập kế hoạch triển khai thực hiện việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

+ Đối với Khu công nghiệp Tịnh Phong: Phối hợp với nhà đầu tư Công ty liên doanh TNHH KCN Việt Nam - Singapore (VSIP) để triển khai, đẩy nhanh tiến độ đầu tư mở rộng khu công nghiệp theo quy hoạch trong thời gian sớm nhất.

- UBND các huyện, thành phố:

+ Lập hồ sơ đầu tư mở rộng, xây dựng mới cụm công nghiệp (khi hội đủ điều kiện theo quy định hiện hành), dự toán kinh phí và nguồn vốn thực hiện gửi Sở Công Thương trước ngày 31/10 hàng năm để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

+ Mỗi huyện, thành phố đầu tư hoàn thiện ít nhất 01 cụm công nghiệp trên địa bàn, ngân sách tỉnh sẽ xem xét cân đối, hỗ trợ một phần kinh phí theo nhu cầu thực tế để đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu ngoài hàng rào theo tiêu chí hoạt động có hiệu quả.

7. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và UBND các huyện, thành phố: Bảo đảm việc thực hiện các quy định bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch chương trình và dự án phát triển công nghiệp thuộc thẩm quyền; chú trọng nâng cao chất lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư và việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường trong ngành công nghiệp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi, Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp ngành công nghiệp.

- Hàng năm, lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động đầu tư, sản xuất công nghiệp của các doanh nghiệp; kịp thời xử lý triệt để tình trạng ô nhiễm ở các khu, cụm công nghiệp, nhất là nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Quý III/2012, xây dựng hoàn thành đề án di dời các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm ra khỏi địa bàn thành phố Quảng Ngãi, đưa vào khu, cụm công nghiệp.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất:

- Quý IV/2012, xây dựng hoàn thành dự án trồng Rừng môi trường, cảnh quan Khu kinh tế Dung Quất.

- Quý IV/2013, xây dựng hoàn thành báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược Khu kinh tế Dung Quất.

8. Bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội

Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Khi xây dựng, triển khai thực hiện các quy hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp với bảo đảm quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về động viên công nghiệp và phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh.

- Chủ động, tích cực bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội, xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật trong quá trình đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nhất là đối với Khu kinh tế Dung Quất, các khu, cụm công nghiệp và các công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

III. Tổ chức thực hiện:

1. Ban chỉ đạo giúp UBND tỉnh chỉ đạo, điều phối hoạt động giữa các sở ban ngành, UBND các huyện, thành phố và cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch của các cơ quan nhằm đạt mục tiêu Đề án đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

2. Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố căn cứ các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch của UBND tỉnh, trực tiếp chỉ đạo xây dựng kế hoạch cụ thể của cơ quan, đơn vị mình, báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thông qua Sở Công Thương (cơ quan thường trực Ban chỉ đạo) để tổng hợp./.



Cao Khoa



DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 30/12/2011
của Ủy ban UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Địa điểm
I	Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư vào KKT Dung Quất	
1	Sản xuất Methyl TeriaryButyl Ether (MTBE)	KKT Dung Quất
2	Sản xuất Formalin để chế tạo keo dán gỗ	KKT Dung Quất
3	Sản xuất cao su tổng hợp	KKT Dung Quất
4	Sản xuất nhựa Polystyren (PS)	KKT Dung Quất
5	Sản xuất chất tẩy rửa công nghiệp (LAB)	KKT Dung Quất
6	Sản xuất than đen (Carbon Black)	KKT Dung Quất
7	Sản xuất Caustic Soda, Chloride - EDC	KKT Dung Quất
8	Sản xuất PTA & BTX	KKT Dung Quất
9	Sản xuất Styrene Monomer	KKT Dung Quất
10	Sản xuất sợi Polyester	KKT Dung Quất
11	Sản xuất Dầu nhờn	KKT Dung Quất
12	Sản xuất axit Axetic	KKT Dung Quất
13	Sản xuất xăm, lốp xe tải, náy kéo	KKT Dung Quất
14	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy	KKT Dung Quất
15	Sản xuất linh kiện nhựa cho ô tô	KKT Dung Quất
16	Sản xuất động cơ Diesel 30-50 mã lực (2,3,4 xi lanh)	KKT Dung Quất
17	Sản xuất động cơ xăng đa dụng	KKT Dung Quất
18	Sản xuất bồn chứa khí, bình chứa khí	KKT Dung Quất
19	Sản xuất thép đặc biệt	KKT Dung Quất
20	Sản xuất ống thép	KKT Dung Quất
21	Sản xuất thép tấm cán nóng, thép tấm cán nguội	KKT Dung Quất
22	Sản xuất sơn công nghiệp và sơn tàu thủy	KKT Dung Quất
23	Sản xuất kính cao cấp, kính màu	KKT Dung Quất
24	Sản xuất chống thấm Bitum biến tính	KKT Dung Quất
25	Sản xuất tấm lợp cốt sợi hữu cơ	KKT Dung Quất
26	Sản xuất các sản phẩm nhôm	KKT Dung Quất
27	Chế biến bột giấy và giấy các loại	KKT Dung Quất
28	Sản xuất ván ép nóng (công nghệ Đức)	KKT Dung Quất
29	Sản xuất sợi, dệt, nhuộm (hoàn tất)	KKT Dung Quất
30	Sản xuất đồ thủy tinh, pha lê	KKT Dung Quất

TT	Tên dự án	Địa điểm
31	Sản xuất thiết bị điện dân dụng, thiết bị, vật liệu điện đa dụng	KKT Dung Quất
32	Sản xuất tấm lợp trần và đồ nội thất bằng nhựa	KKT Dung Quất
33	Sản xuất các sản phẩm ống nhựa PVC	KKT Dung Quất
34	Nhà máy nhiệt điện than	KKT Dung Quất
35	Nhà máy chế tạo thiết bị tàu thủy	KKT Dung Quất
36	Nhà máy sản xuất Container	KKT Dung Quất
37	Khu du lịch sinh thái Vạn Tường	KKT Dung Quất
38	Trung tâm thương mại Vạn Tường	KKT Dung Quất
39	Trung tâm thương mại Khe Hai	KKT Dung Quất
40	Các Nhà máy chế tạo thiết bị siêu trường, siêu trọng	KKT Dung Quất
41	Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	KKT Dung Quất
42	Hạ tầng KCN, Khu đô thị	KKT Dung Quất
II	Danh mục các dự án đầu tư vào các Khu công nghiệp tỉnh	
1	Sản xuất vật liệu xây dựng	KCN Tịnh Phong
2	Sản xuất Nhôm thanh, Nhôm trang trí họa tiết và Nhôm thành phẩm	KCN Tịnh Phong
3	Sản xuất các thiết bị cơ khí chế tạo, sửa chữa, lắp ráp	KCN Tịnh Phong
4	Sản xuất dây cáp, thiết bị điện dân dụng	KCN Tịnh Phong
5	Sản xuất hàng gia dụng	KCN Tịnh Phong
6	Khu dân cư, dịch vụ phục vụ KCN Tịnh Phong	KCN Tịnh Phong
7	Sản xuất, chế biến nông sản	KCN Phổ Phong
8	Chế biến thủy hải sản	KCN Phổ Phong KCN Quảng Phú
III	Danh mục các dự án đầu tư vào cụm công nghiệp	
1	Sản xuất vật liệu xây dựng (gạch tuynel)	Các CCN
2	Chế biến lâm sản	Các CCN
3	Sản xuất các dụng cụ cơ khí phục vụ nông nghiệp nông thôn và xây dựng	Các CCN
4	Sản xuất thức ăn chăn nuôi	Các CCN đồng bằng và ven biển
5	Chế biến thủy hải sản	Các CCN đồng bằng và ven biển
6	Chế biến nông sản	Các CCN
7	May mặc	Các CCN đồng bằng
8	Đóng và sửa chữa tàu thuyền	Các CCN ven biển
9	Đồ gỗ mỹ nghệ	Các CCN
10	Phân bón hữu cơ	Các CCN
11	Gia công, lắp ráp thiết bị điện	Các CCN
12	Tấm lợp	Các CCN



Phụ lục số 02
**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2012 - 2015**
(Kèm theo Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 30/12/2011
của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Danh mục	Quy mô	Giai đoạn 2012 - 2015		Nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
			Tổng mức	Trong đó năm 2012	NSN N	Vốn khác	
A	Khu kinh tế Dung Quất		7.235	1.020	6.718	517	
I	Đầu tư tại KCN phía Đông và phía Tây	-	3.911	820	3.491	420	
1	Đường Võ Văn Kiệt	9 km	600	50		600	Đề nghị tiếp tục xin TPCP triển khai tiếp tuyến này
2	Xây dựng đường Trì Bình - cảng Dung Quất	9 km	885	130	885		Năm 2012 triển khai đến bù. DADT theo hình thức BT ngân sách thanh toán bằng tiền
3	Nâng cấp Tuyến đường Dốc Sỏi đến Nhà máy đóng tàu	5 km	80	80	80		
4	Đầu tư mở rộng hạ tầng kỹ thuật Phân KCN Sài Gòn - Dung Quất	50 ha	150	20	70	80	Vốn DN, vay tín dụng nhà nước
5	XD hệ thống thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải KCN phía Đông	15km	55	55	55		
6	Xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư trong KKT Dung Quất phục vụ mở rộng NMLD và các dự án khác	100 ha	400	70	400		
7	Đền bù giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư	200 ha	400	100	400		
8	Hỗ trợ hạ tầng và nhà ở công nhân và người có thu nhập thấp:						
	+ KCN phía Đông	15 ha	105	20	45	60	DN đầu tư phần nhà ở
	+ KCN phía Tây	20 ha	140	30	60	80	

TT	Danh mục	Quy mô	Giai đoạn 2012 - 2015		Nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
			Tổng mức	Trong đó năm 2012	NSN N	Vốn khác	
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng, cải tạo đất để phát triển sản xuất nông nghiệp chất lượng cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm ổn định bền vững đời sống nhân dân tái định cư	100 ha	500	50	300	200	DN đầu tư cơ sở sản xuất
10	Tuyến đường Dốc Sỏi - phía Nam Sân bay Chu Lai	2,4km	140		140		
11	Xây dựng hạ tầng khu liên cơ, cảng vụ cảng Dung Quất	4,61ha	15	15	15		
12	Tuyến đường vào khu bể chứa kho ngâm xăng dầu (Đường 700m+cầu 04 nhịp, 179m)	Đường, cầu	82		82		
13	Bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy thép Quang Lian (gđ II)	246 ha	359	200	359		
II	Đầu tư tại Đô thị Vạn Tường		2.014	200	1.957	57	
1	Xây dựng đường giao thông trục chính nối Trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường	9,6 km	380	50	380		
3	Đường vành đai Khu trung tâm phía Bắc đô thị Vạn Tường	4,2 km	120	20	120		
4	Xây dựng Trung tâm hàn kỹ thuật cao Dung Quất	10 ha	114	20	57	57	NS hỗ trợ 50%, xã hội hoá 50%
5	Đầu tư xây dựng Đội cảnh sát PCCC Trung tâm KKT Dung Quất	15 ha	450	50	450		
6	Hỗ trợ hạ tầng nhà ở cho người có thu nhập thấp tại KKT Dung Quất	10 ha	30	10	30		
7	Bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư	100 ha	250	50	250		
8	Hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	10 km	50		50		
9	Mở rộng nghĩa địa Bình Hoà, Bình Trị, Bình Đông	40 ha	120		120		Dự kiến chuẩn bị đầu tư năm 2012, khởi công xây dựng từ năm 2013-2015

TT	Danh mục	Quy mô	Giai đoạn 2012 - 2015		Nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
			Tổng mức	Trong đó năm 2012	NSN N	Vốn khác	
10	Các tuyến đường giao thông trục chính của các Khu chức năng trong đô thị Vạn Tường	20 km	500		500		
III	Đầu tư tại KKT Dung Quất mở rộng		1.310	0	1.270	40	
1	Tuyến đường trục nối ngã 3 thành phố Vạn Tường đến KCN nặng Dung Quất II	10km	300		300		Dự kiến chuẩn bị đầu tư năm 2012, khởi công xây dựng từ năm 2014-2015
2	Tuyến đường trục nối Quốc lộ 1A - cảng Dung Quất II	13 km	390		390		
3	Xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật các khu dân cư phục vụ tái định cư	50 ha	200		200		
4	Bồi thường, giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch	100 ha	200		200		Dự kiến triển khai từ năm 2014
5	Xây dựng nghĩa địa công viên sinh thái	40 ha	120		120		Dự kiến chuẩn bị đầu tư năm 2012, khởi công xây dựng từ năm 2013-2015
6	Khu xử lý chất thải rắn tập trung và chất thải nguy hại	20 ha	100		60	40	Dự kiến chuẩn bị đầu tư năm 2013, khởi công xây dựng từ năm 2014-2015. Vốn DN đầu tư nhà xưởng, thiết bị, phương tiện
B	Các Khu công nghiệp Quảng Ngãi		1608,1	110,4	600	1008,1	
I	Phổ Phong	-	706,6	110	498,5	208,1	
1	Đường vào KCN Phổ Phong (cầu và đường)	0,2 km	56,6	50	56,6	0	Dự án đã được khởi công năm 2011 và đã dừng theo NQ11
2	Bồi thường và GPMB	300ha	100	50	100	0	Đã phê duyệt phương án đền bù
3	Đường trung tâm & Đường số 1 KCN Phổ Phong	3 km	100	5	100	0	Chuẩn bị đầu tư
4	Hạ tầng ngoài hàng rào: Hệ thống cấp nước, cấp điện, viễn thông....		100	5	50	50	

TT	Danh mục	Quy mô	Giai đoạn 2012 - 2015		Nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
			Tổng mức	Trong đó năm 2012	NSN N	Vốn khác	
5	Đường số 2 KCN Phố Phong	2 km	50	0	30	20	
6	Đường số 3 KCN Phố Phong	1,5	50	0	30	20	
7	Đường số 4 KCN Phố Phong	1	50	0	30	20	
8	Đường số 5 KCN Phố Phong	1	50	0	30	20	
9	Đường số 6 và số 7 KCN Phố Phong	1,5	50	0	30	20	
10	Hệ thống xử lý nước thải, rác thải...		100	0	41,9	58,1	
II	Tỉnh phong (mở rộng)	600ha	900,5	0,2	100,5	800	
	Quy hoạch mở rộng		0,5	0,2	0,5	0	
	Đền bù và GPMB		100	0	100	0	2012-2015
	San lấp mặt bằng		100	0	0	100	
	Đường sá, cầu công, cấp thoát nước...		600	0	0	600	
	Xử lý nước thải, rác thải...		100	0	0	100	
III	Quy hoạch KCN		1	0,2	1	0	
	QH mở rộng các KCN, quy hoạch nâng cấp cụm công nghiệp lên KCN		1	0,2	1	0	2012-2015
C	Xây dựng hạ tầng và Qui hoạch chi tiết các cụm công nghiệp		250	62,57	250		
1	Cụm CN Bình Nguyên – Bình Sơn	30 ha	33	12	33		
2	Cụm CN Bình Hiệp – Bình Sơn	35,4 ha	5	1,6	5		Lập QH chi tiết năm 2012
3	Cụm CN-LN Tịnh An Tây- Sơn Tịnh	35,7 ha	29,5	4,75	29,5		
4	Cụm CN-LN Sa Kỳ- Sơn Tịnh	14 ha	14	4,5	14		
5	Cụm CN Tịnh Bắc-Sơn Tịnh	40 ha	10		10		
6	Cụm CN Đông Dinh-Nghĩa Hành	40 ha	10	2,25	10		
7	Cụm CN Hành Minh (Đội 68)-Nghĩa Hành	45 ha	15		15		
8	Cụm CN La Hà-Tư Nghĩa	35 ha	15	6	15		
9	Cụm CN Gò Su-Tư Nghĩa	15 ha	5	0,6	5		Lập QH chi tiết năm 2012
10	Cụm CN Quán Lát-Mộ Đức	40 ha	20	6	20		
11	Cụm CN Thạch Trụ-Mộ Đức	40 ha	20	6	20		
12	Cụm CN Sa Huỳnh-Đức Phổ	4,1 ha	3,5	3,5	3,5		

TT	Danh mục	Quy mô	Giai đoạn 2012 - 2015		Nguồn vốn đầu tư		Ghi chú
			Tổng mức	Trong đó năm 2012	NSN N	Vốn khác	
13	Cụm CN Phở Phong-Đức Phở	10 ha	10	2,67	10		
14	Cụm CN Đồng Làng-Đức Phở	20 ha	20	7	20		
15	Điểm CN-LN Long Mai-Minh Long	02 ha	2		2		
16	Cụm CN Sơn Hải-Sơn Hà	2 ha	2		2		
17	Cụm CN Sơn Thượng-Sơn Hà	13 ha	13	4	13		
18	Cụm CN Thạch Bích-Trà Bông	5 ha	2		2		
19	Cụm CN Trà Xuân-Trà Bông	10 ha	10		10		
20	Cụm CN TT Ba Tư-Ba Tư	1,8 ha	1	1	1		
21	Cụm CN Ba Động-Ba Tư	30 ha	10	0,7	10		Lập QH chi tiết năm 2012
	Tổng cộng A + B + C		9.093,1	1.192,97	7.568	1.525,1	